

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-ST

Ngày 09-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hịa và ông Lò Văn Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:
Bà Thiệu Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Thị L, sinh năm 1976, tại Điện Biên; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lò Văn L, sinh năm 1948; con bà Vì Thị T, sinh năm 1949.

Bị cáo chưa có chồng con.

Tiền án: Ngày 10/01/2011, Lò Thị L bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử phạt 08 năm tù về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành hình phạt đến ngày 31/8/2015 được đặc xá tha tù trước thời hạn, đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/10/2017, Lò Thị L đến khu vực đường đi thuộc đội 6, xã T, huyện Đ mua của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi bị cáo không rõ lai lịch được một gói Heroine và 20 viên Methamphetamine với giá 800.000 đồng. Mua được ma túy, bị cáo mang về nhà dùng ni lông màu hồng gói từng viên Methamphetamine lại rồi hơ lửa hàn kín. Gói xong bị cáo cho toàn bộ các gói Methamphetamine vào vỏ gói cà phê và dùng ni lông màu đen gói lại rồi cho vào một ống nửa cát giấu vào nền nhà tắm của gia đình. Số Heroine mua được bị cáo cũng chia làm 4 gói nhỏ, một gói được gói bằng ni lông màu hồng, tiếp đó là ni lông màu đen và cho vào ống nửa cát giấu trong lỗ viên gạch ngoài sân nhà. Ba gói Heroine còn lại bị cáo gói bằng ni lông màu hồng, tiếp đó là ni lông màu trắng rồi cầm ở tay trái đi ra sân nhà. Tại khu vực sân nhà, bị cáo gặp Phùng Văn M, sinh năm 1968 ở tổ dân phố 15, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Lò Thị L đã bán cho M 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng. Mua được Heroine M ra ngoài vệ đường đội 5 xã T gần nhà bị cáo L để sử dụng. Sau khi sử dụng Heroine, M lại quay lại nhà bị cáo ngồi chơi thì bị tổ công tác Công an huyện Đ vào nhà L kiểm tra bắt quả tang thu giữ ở tay trái của bị cáo L một gói ni lông màu trắng, bên trong có chứa hai gói nhỏ bằng ni lông màu hồng có chứa bột màu trắng nghi là Heroine. Bị cáo đã tự giác lấy trong áo lót bị cáo đang mặc một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tiền bị cáo bán Heroine cho Phùng Văn M.

Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Lò Thị L từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng. Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị L phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11 giờ 30 phút ngày 06/10/2017 bút lục 01, 02, người bị bắt Lò Thị L công nhận đã bị cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ 01 gói bằng ni lông màu trắng, mở bên trong có 02 gói bằng ni lông màu hồng, bên trong các gói chứa các cục bột màu trắng nghi là hêrôin. Một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Các gói chất bột màu trắng là của bị cáo Lò Thị L, tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tiền của bị cáo do bị cáo bán Heroine cho Phùng Văn M mà có.

Tại biên bản khám xét nhà ở của bị cáo Lò Thị L hồi 13 giờ 15 phút ngày 06/10/2017 bút lục 15, 16 khám xét và phát hiện bên trong lỗ gạch ngoài sân nhà ở của bị cáo có một ống nứa, bên trong ống nứa có một gói ni lông màu đen, mở bên trong có gói ni lông màu hồng bên trong có các cục bột màu trắng nghi là Heroine. Khám xét tại nền nhà tắm của bị cáo phát hiện có một ống nứa dài khoảng 20cm, bên trong ống nứa có một gói ni lông màu đen, mở bên trong có một gói nhỏ được gói bằng vỏ gói cà phê. Mở tiếp bên trong có 20 gói, mỗi gói đều gói bằng ni lông màu hồng được hơ lửa hàn kín, mở bên trong mỗi gói có một viên nén màu hồng, trên mặt các viên nén đều có chữ WY nghi là ma túy tổng hợp.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 06/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bút lục số 06, 07 thì tổng khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét nhà ở của bị cáo Lò Thị L là 3,8 gam Heroine, trích

mẫu gửi giám định 0,12 gam; khối lượng 20 viên ma túy tổng hợp là 2,01 gam, trích mẫu gửi giám định 0,2 gam.

Kết luận giám định số 31/GĐ-PC54 ngày 26/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 33 thì mẫu chất bột màu trắng đục gửi giám định của Lò Thị L là Heroine. Mẫu viên nén màu hồng gửi giám định của Lò Thị L là Methamphetamine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 67, danh mục II. Không hoàn lại mẫu vật sau giám định.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can, bản tự khai của Lò Thị L từ bút lục số 39 đến 61 chứng minh bị cáo Lò Thị L đã tàng trữ trái phép 3,8 gam Heroine và 2,01 gam Methamphetamine với mục đích để bán lẻ cho người nghiện. Bị cáo thừa nhận đã mua ma túy của một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 40 tuổi bị cáo không biết rõ lai lịch với giá 800.000 đồng mang về nhà chia nhỏ để bán lẻ kiếm lời.

Bản án số 41/2011/HSST ngày 10/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên từ bút lục 63 đến 65 chứng minh Lò Thị L đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử 08 năm tù về tội Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy.

Giấy chứng nhận đặc xá của Trại giam T ngày 31/8/2015 bút lục 66. Chứng cứ chứng minh bị cáo Lò Thị L đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 41/2011/HSST ngày 10/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đến ngày 06/10/2017 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa hết thời hiệu được xóa án tích đối với bản án này.

Bản Kết luận điều tra số 19/KLĐT ngày 27/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đưa bị can Lò Thị L ra truy tố công khai trước pháp luật về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lò Thị L có tội, bị cáo đã mua Heroine tàng trữ mục đích để bán lẻ kiếm lời. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 194/BLHS năm 1999 và hướng dẫn ở điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách

độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lò Thị L có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Lò Thị L là 3,8 gam Heroine và 2,01 gam Methamphetamine. Như vậy bị cáo đã mua bán hai chất ma túy và việc xác định tổng tỷ lệ phần trăm theo tinh thần hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17 nêu trên như sau:

So sánh 3,8 gam Heroine với 5 gam Heroine tối thiểu ở khoản 2 của Điều 194/BLHS năm 1999 bằng 76%.

So sánh 2,01 gam Methamphetamine với 20 gam ma túy ở thể rắn tối thiểu ở khoản 2 của Điều 194/BLHS năm 1999 bằng 10,05%.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả hai chất Heroine, Methamphetamine là $76\% + 10,05\% = 86,05\%$ dưới 100%.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của các chất ma túy mà bị cáo mua bán dưới 100% . Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV và khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 để xét xử bị cáo theo quy định của Điều 194/BLHS năm 1999. Lý do của quy định có lợi là theo quy định của Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ thì tổng trọng lượng Heroine và Methamphetamine bị cáo mua bán trên 5 gam định khung theo khoản 2 của Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù không có lợi cho bị cáo. Do vậy, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã T, huyện Đ. Bị cáo không chịu rèn luyện bản thân mà lại kiếm sống bằng cách thu lời bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy. Đây là nguyên nhân chính mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội để phải nhận thêm một bản án không đáng có trong đời.

Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 08 năm tù về tội Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 10/01/2011. Lò Thị L chấp hành hình phạt chính đến ngày 31/8/2015 bị cáo được đặc xá ra tù trước thời hạn. Đến ngày 06/10/2017 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa hết thời hiệu được xóa án tích đối với bản án năm 2011. Do vậy lần xét xử này Hội đồng xét xử áp

dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Lò Thị L có bố đẻ là ông Lò Văn L được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo đã bị Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cố gắng cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo khoản 5 Điều 194/BLHS năm 1999 quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lò Thị L.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 40 tuổi bị cáo không biết rõ lai lịch. Quá trình điều tra không có cơ sở để làm rõ đối tượng theo lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng Phùng Văn M, sinh năm 1968 ở tổ dân phố 15, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã mua ma túy của Lò Thị L để sử dụng. Hành vi của M chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng của vụ án là 3,8 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,12 gam không hoàn lại mẫu vật; 2,01 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,2 gam không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vật chứng là một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vật chứng này tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Thị L** phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

- Xử phạt bị cáo **Lò Thị L 06** (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 06/10/2017.

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 3,8 gam hêrôin trích mẫu gửi giám định 0,12 gam không hoàn lại mẫu vật; Tịch thu tiêu hủy 2,01 gam Methamphetamine trích mẫu gửi giám định 0,2 gam không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/01/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Đ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ hồi 14 giờ 30 phút ngày 19/01/2018).

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Thị L phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/3/2018.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân